

Số: 79/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 100A/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Văn A, sinh năm 1993

HKTT, trú tại: thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn:** Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1997

HKTT: thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Quê quán, trú tại: thôn C, xã T, huyện K, Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Lê Văn C, sinh ngày 11/6/2013;

- Cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 13/3/2015

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: anh Lê Văn A và chị Đỗ Thị B (bố, mẹ đẻ các cháu).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 24/5/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ-ong sự đ-ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ-ong sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn A và chị Đỗ Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đ-ong sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn A và chị Đỗ Thị B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao cả hai con chung là cháu Lê Văn C, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 13/3/2015 cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 24/5/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh A tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0002625 ngày 27/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, anh A được hoàn trả 150.000đ.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Các đ-ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Tân Châu;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TRÍNH